

CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN GIA KHOA HỌC VIỆT NAM ĐƯỢC ĐÀO TẠO TẠI LIÊN MINH CHÂU ÂU

TS Lê Xuân Định, KS Tào Hương Lan, ThS Đào Mạnh Thắng
Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Giới thiệu vài nét về Chương trình KH&CN khung lần thứ 7 của EU (FP7) và những hoạt động thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào Chương trình này. Mô tả quá trình xây dựng CSDL Chuyên gia khoa học Việt Nam được đào tạo tại Liên minh châu Âu, cách thức thu thập dữ liệu, các kết quả đạt được và lợi ích thực tiễn mà CSDL đem lại. Đưa ra các kiến nghị cụ thể để duy trì và phát triển CSDL này.

1. Chương trình hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam và vai trò của CSDL Chuyên gia khoa học Việt Nam được đào tạo tại EU phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN

1.1. Tính cấp thiết của việc xây dựng CSDL

Hội nhập quốc tế về KH&CN hiện là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhằm đưa nền KH&CN nước ta lên một tầm cao mới, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước một cách toàn diện. Đề án “Hội nhập quốc tế về KH&CN đến năm 2020”, được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 14/5/2011, đã nêu rõ quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ cần triển khai để đưa Việt Nam trở thành nước mạnh trong một số lĩnh vực KH&CN vào năm 2020. Đề án đặc biệt quan tâm tới một số nhiệm vụ như: nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ KH&CN thông qua liên kết với các đối tác nước ngoài có tiềm lực mạnh về KH&CN; triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong một số lĩnh vực KH&CN ưu tiên để hình thành các nhóm, tập thể

KH&CN mạnh có thể tổ chức và tham gia các hoạt động KH&CN quốc tế; đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu chung trong khuôn khổ các thỏa thuận song phương, đa phương liên khu vực và quốc tế; thu hút các chuyên gia, nhà KH&CN Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo tại Việt Nam; tạo điều kiện để các nhà KH&CN Việt Nam tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu KH&CN quốc tế, các tổ chức quốc tế của Liên hiệp quốc, APEC, ASEM, ASEAN, các hiệp hội chuyên ngành khu vực và quốc tế [5].

Hiện nay, thông tin và dữ liệu cần cho việc triển khai các nhiệm vụ hội nhập quốc tế về KH&CN vừa thiếu vừa tản mạn, không được thu thập một cách khoa học và thiếu tính hệ thống/liên thông, ít được cập nhật. Điều đó đã và đang gây không ít khó khăn, không những trong việc xác định các đối tác có tiềm lực mạnh về KH&CN của nước ngoài, các chương trình, dự án nghiên

Nghiên cứu - Trao đổi

cứu, đào tạo khu vực và quốc tế Việt Nam cần tranh thủ, mà ngay cả việc nắm bắt tình hình tham gia của các đối tác Việt Nam trong các chương trình, dự án nghiên cứu chung trong khuôn khổ các thỏa thuận song phương, đa phương liên khu vực và quốc tế, cũng không khả thi. Các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên gia hiện đều được thiết kế và thu thập thông tin phục vụ mục tiêu riêng của từng đơn vị chủ quản, chưa có CSDL nào được thiết kế nhằm kết nối các nhà khoa học Việt Nam với nước ngoài và ngược lại, chưa có CSDL nào đưa dữ liệu về chuyên gia KH&CN Việt Nam bằng tiếng Anh lên mạng để khai thác rộng rãi [2, 6-11].

1.2. Chương trình KH&CN khung lần thứ 7 của EU trong mối quan hệ mật thiết với việc xây dựng CSDL

1.2.1. Chương trình KH&CN khung lần thứ 7 của EU là gì?

Chương trình KH&CN khung lần thứ 7 của EU, giai đoạn 2007 - 2013 (Seventh Framework Programmes, viết tắt là FP7) là chương trình KH&CN lớn nhất của châu Âu từ trước đến nay với tổng kinh phí đầu tư gần 54 tỷ Euro, trong đó, khoảng 32 tỷ Euro dành cho các dự án nghiên cứu chung trên 10 lĩnh vực ưu tiên. Trong thực tế, FP7 là công cụ chính nhằm đáp ứng nhu cầu của châu Âu về việc làm và năng lực cạnh tranh, và nhằm duy trì vai trò đầu tàu của châu Âu trong nền kinh tế tri thức toàn cầu. Một trong những điểm đặc biệt của FP7 là việc khuyến khích sự tham gia của cộng đồng KH&CN ngoài EU. Cho đến

nay, nhiều nước trong khu vực đã tận dụng khá tốt nguồn kinh phí nghiên cứu KH&CN này thông qua việc chủ động cung cấp thông tin về tiềm năng chất xám của mình cho nghiên cứu KH&CN. Để Việt Nam có thể tham gia tích cực hơn vào các hoạt động nghiên cứu chung bằng kinh phí KH&CN của EU, các đối tác EU cần tiếp cận được thông tin về các chuyên gia Việt Nam có tiềm năng tham gia hợp tác nghiên cứu với họ. CSDL về chuyên gia là một công cụ tra cứu thích hợp cho mục đích nói trên.

Để phục vụ cho việc quảng bá, thúc đẩy và quản lý FP7, EU đã xây dựng hệ thống CSDL CORDIS về các chuyên gia và tổ chức KH&CN quốc tế. Trong CSDL CORDIS, thông tin về các chuyên gia được chia thành nhiều nhóm: dạng chuyên gia; dữ liệu cá nhân; kỹ năng ngôn ngữ; các hoạt động KH&CN chính; trình độ đào tạo; hướng nghiên cứu; kinh nghiệm tham gia các hoạt động KH&CN của EU; công bố kết quả nghiên cứu; các lĩnh vực quan tâm. Thông qua CSDL CORDIS, các nhà khoa học và các tổ chức KH&CN của các nước có thể tìm kiếm đối tác và kết nối với nhau tạo thành các liên minh nghiên cứu tham gia vào các dự án hợp tác quốc tế về KH&CN. Trong FP7 có hàng nghìn dự án hợp tác, mỗi dự án có sự tham gia của hàng chục đối tác từ nhiều nước tạo thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong từng lĩnh vực cụ thể [1].

1.2.2. Sự tham gia của Việt Nam vào Chương trình khung FP7

Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia

Nghiên cứu - Trao đổi

vào 32 dự án nghiên cứu chung do FP7 tài trợ. Tỷ lệ thành công của Việt Nam trong đăng ký tham gia các dự án lên đến 33,3% (cao nhất khu vực Đông Nam Á và trên mức bình quân là 23,9%). Tổng số tiền tài trợ của FP7 dành cho các đối tác Việt Nam đến nay là gần 4 triệu Euro, cao nhất trong số các nước Đông Nam Á. Nhiều nhà khoa học hàng đầu Việt Nam được mời tham gia vào các hội nghị, hội thảo quốc tế trong khuôn khổ dự án SEA-EU-NET như: hội thảo *Bảo tồn và quản lý đa dạng sinh hoạt*; hội thảo *EU-Đông Nam Á về sốt xuất huyết*; hội thảo chuyên gia về *Nền kinh tế dựa trên công nghệ sinh học*; hội thảo về *Vật liệu xúc tác quang phục vụ cho y tế và bảo vệ môi trường*, v.v.... Trong các dự án FP7, ba đối tác quan trọng nhất của Việt Nam là: Vương quốc Anh -27 liên kết hợp tác, Hà Lan -18 liên kết hợp tác và CHLB Đức -14 liên kết hợp tác. Tỷ lệ các lĩnh vực tham gia của các nhà khoa học Việt Nam vào các dự án FP7 cũng đa dạng nhất khu vực Đông Nam Á [1,4].

1.2.3. Hoạt động về thúc đẩy sự tham gia FP7 tại Việt Nam

Dự án SEA-EU-NET - Dự án thúc đẩy đối thoại liên khu vực đã được triển khai từ cuối năm 2007 tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NASATI) nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy sự tham gia của các chuyên gia, tổ chức KH&CN Việt Nam vào các dự án hợp tác KH&CN với EU. Nhiệm vụ chính của NASATI trong dự án là: tăng cường đối thoại

liên khu vực ASEAN - EU về chính sách KH&CN; tăng cường sự tham gia của các chuyên gia, cơ quan đối tác ở Đông Nam Á vào FP7 thông qua việc phổ biến, tuyên truyền về FP7 cũng như thành lập và vận hành EU info-point của SEA-EU-NET, tạo điều kiện hợp tác EU - Việt Nam và ASEAN; quan trắc, phân tích và đánh giá hiện trạng KH&CN thông qua điều tra thống kê các cơ quan nghiên cứu quan trọng của Việt Nam và ASEAN làm cơ sở cho hợp tác bền vững [4].

2. Xây dựng CSDL Chuyên gia khoa học được đào tạo tại Liên minh châu Âu

2.1. Cách tiếp cận

Cách tiếp cận sau đã được áp dụng trong quá trình nghiên cứu xây dựng CSDL:

- Tìm hiểu kỹ các loại CSDL về chuyên gia tương tự trong nước và quốc tế để việc thiết kế hệ thống đảm bảo tính khoa học, đầy đủ, phù hợp, chính xác;

- Áp dụng các chuẩn phù hợp trong việc thiết kế hệ thống, trao đổi thông tin, đặc biệt tuân thủ quy định về áp dụng tiêu chuẩn trong ứng dụng công nghệ thông tin ban hành kèm theo Quyết định 20/2008/QĐ-BTTTT ngày 9/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về “Ban hành danh mục tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước”; đặc biệt lưu ý về chuẩn dữ liệu và chuẩn an toàn thông tin;

- Trong xây dựng CSDL, sử dụng những hệ CSDL thông dụng như SQL

Nghiên cứu - Trao đổi

hoặc MySQL; Sử dụng các công cụ chuẩn để tạo các giao diện web cho nhập liệu;

- CSDL là song ngữ Việt - Anh trong giao diện và trong sử dụng;

- Hệ thống có cơ chế phân quyền sử dụng, bảo mật, sao lưu và an toàn dữ liệu;

- Xây dựng hệ thống nhập liệu theo hai hình thức: trực tuyến (chủ yếu áp dụng cho các cán bộ làm việc ở nước ngoài) và không trực tuyến thông qua phiếu điều tra (chủ yếu áp dụng cho cán bộ làm việc trong nước). Có sự phân quyền trong công bố thông tin lên Web. Chuyên gia có thể tự nhập tin, song việc đưa/hiển thị thông tin lên Web chỉ được thực hiện sau khi đơn vị quản lý CSDL thẩm định xong và công bố (theo đúng quy trình về an toàn và bảo mật thông tin quy định của pháp luật);

- Xây dựng hệ thống dựa trên cơ sở hạ tầng mạng hiện có của NASATI;

- Dựa vào sự hỗ trợ và quan hệ của các đại sứ quán, đầu mối quản lý đào tạo/ KH&CN của Việt Nam ở nước ngoài để quảng bá nhu cầu thu thập thông tin về cán bộ KH&CN Việt Nam được đào tạo và làm việc tại các nước thuộc Liên minh châu Âu;

- Việc trao đổi thông tin có thể thực hiện qua hai phương thức: tự động trực tuyến hoặc chuyển giao tệp dữ liệu có cấu trúc.

2.2. Cách thu thập dữ liệu chuyên gia KH&CN Việt Nam được đào tạo tại EU

Dữ liệu về chuyên gia Việt Nam đã được đào tạo tại Liên minh châu Âu và làm việc tại các tổ chức KH&CN ở Việt Nam hoặc Liên minh châu Âu đã được thu thập bằng cách:

1. Gửi phiếu điều tra đến cá nhân, các tổ chức KH&CN của Việt Nam.

2. Phối hợp với các Hội cựu lưu học sinh EU tại Việt Nam, cả theo nhóm quốc gia (Đức, Pháp, Hà Lan, Bỉ,...), nhóm chuyên môn (GAGG – Môi trường của Đức) và nhóm các trường đại học (TU Dresden – CHLB Đức);

3. Phối hợp với các tổ chức quản lý KH&CN của các Đại sứ quán tại Việt Nam để quảng bá, gửi thư mời đăng ký trên hệ thống thông tin của các tổ chức này như: Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD) của CHLB Đức, Hội đồng Anh của Vương quốc Anh.

4. Các cá nhân đủ điều kiện có thể tự đăng ký, điền thông tin, cập nhật thông tin qua website và form điện tử trên mạng Vista của NASATI.

5. Đối với các chuyên gia khoa học Việt Nam đang làm việc tại Liên minh châu Âu, việc thu thập thông tin được tiến hành bằng cách vận động tuyên truyền để tự đăng ký và cung cấp thông tin qua website. Các kênh vận động chính là Đại sứ quán (Ban công tác cộng đồng, Ban quản lý lưu học sinh (LHS), tham tán KH&CN) và Hội học sinh sinh viên. Đặc biệt lưu ý sử dụng phương thức thu thập thông tin trong các mạng

Nghiên cứu - Trao đổi

xã hội như giới thiệu những người quen đã được đào tạo tại các nước thuộc Liên minh châu Âu để họ tự điền thông tin qua website hoặc nhận phiếu điều tra và phối hợp với các website của các Hội này để quảng bá.

6. Ban chủ nhiệm Nhiệm vụ đã thỏa thuận hợp tác với Ban chấp hành Hội sinh viên Việt Nam tại CHLB Đức (phối hợp quảng bá, thúc đẩy đăng ký vào CSDL qua website của Hội), Ban quản lý LHS (nhập CSDL toàn bộ hồ sơ nghiên cứu sinh và sinh viên sau đại học tại CHLB Đức trong vòng 15 năm qua), Tham tán KH&CN tại CHLB Đức (thu thập thông tin về các nhà khoa học Việt kiều). Tất cả các đối tác này đều hết sức ủng hộ, tích cực, chủ động tham gia triển khai nhiệm vụ, mà theo họ, đây là mong muốn của tất cả LHS và chuyên gia Việt Nam tại CHLB Đức.

7. Phối hợp với Tổng cục Nghiên cứu Cộng đồng châu Âu (RTD), Ban quản lý dự án SEA-EU-NET, DLR- Bộ Nghiên cứu và Giáo dục CHLB Đức (BMBF) xây dựng các tiêu chí, biểu mẫu chuẩn, chu trình xử lý thông tin để sàng lọc chuyên gia Việt Nam nói riêng và ASEAN nói chung đã được đào tạo tại Liên minh châu Âu thông qua các quỹ học bổng và chương trình FP7.

2.3. Kết quả xây dựng CSDL

Trong giai đoạn 2010-2012, NASATI đã khẩn trương tiến hành việc thiết kế mẫu phiếu điều tra về chuyên gia Việt Nam đã được đào tạo tại các nước thuộc Liên minh châu Âu, xây dựng mẫu phiếu thông tin bằng tiếng Việt và tiếng

Anh, thiết lập website cho CSDL, phát phiếu thu thập thông tin cho hơn 1000 cựu LHS của Đức tại Việt Nam, họp và thống nhất phương án thu thập thông tin về cựu LHS của Đức tại Việt Nam với đại diện DAAD tại Hà Nội, thống nhất nội dung hợp tác và phát phiếu thu thập thông tin cho cựu LHS của Vương quốc Anh tại Việt Nam thông qua Hội đồng Anh, họp và thu thập thông tin LHS tại EU với đại diện Phái đoàn EC tại Việt Nam, thu thập thông tin về các cá nhân tham gia chương trình Erasmus Mundus, họp và thống nhất với các đối tác Pháp và Đức để triển khai thu thập thông tin về cựu LHS Việt Nam tại châu Âu.

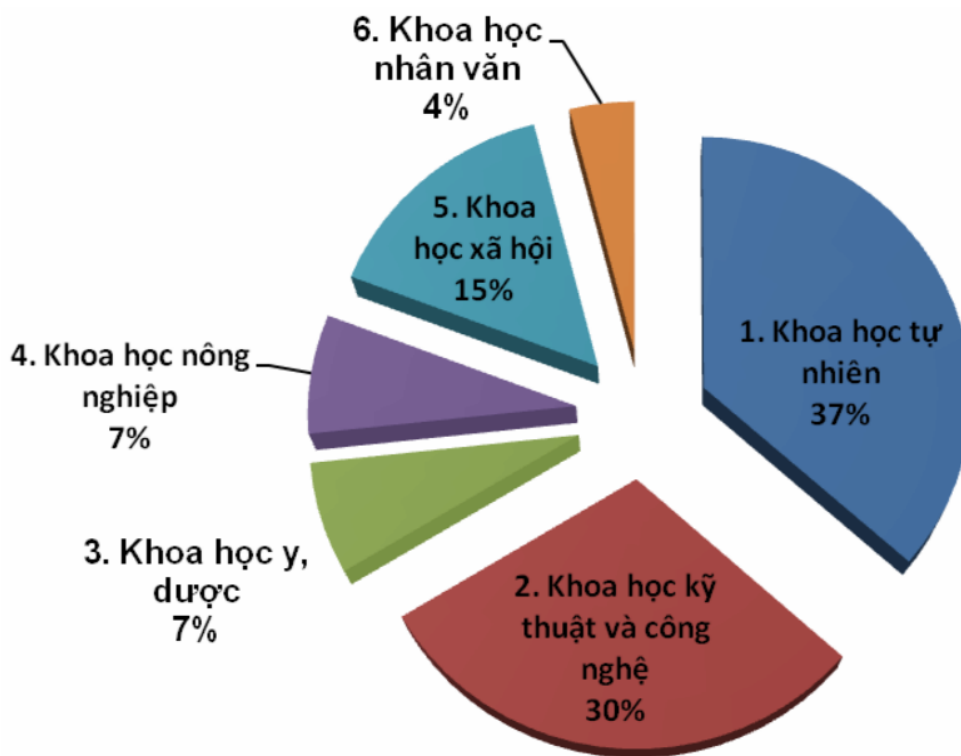
Cho đến nay, CSDL chuyên gia đã được xây dựng theo cả hai phương án: trên máy cục bộ và phiên bản online bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Đã thu thập thông tin, xử lý và nhập liệu trên hai nghìn biểu ghi về cựu LHS EU tại Việt Nam (thông tin được xử lý, phân loại theo các bảng phân loại tương thích chuẩn của Cộng đồng châu Âu). Các kết quả quan trọng này là cơ sở để tổ chức thành công Hội thảo quốc tế về tiềm năng và vai trò thúc đẩy hợp tác KH&CN của cựu LHS khu vực ASEAN vào tháng 5 năm 2011 tại Hà Nội. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin về các cựu LHS là việc làm khó khăn, tốn nhiều thời gian và công sức, thông tin sau khi thu thập phải được xử lý, dịch sang tiếng Anh và phân loại theo chuẩn của EU, khối lượng dữ liệu cần được chuẩn hóa lớn nên một số nội dung của đề tài đã không được triển khai đúng kế hoạch.

Nghiên cứu - Trao đổi

3. Đánh giá tiềm năng và nhận diện lĩnh vực KH&CN của chuyên gia KH&CN Việt Nam được đào tạo tại EU

Cơ cấu chuyên gia KH&CN Việt Nam được đào tạo tại EU phân chia theo nước đào tạo cho thấy: số chuyên gia KH&CN Việt Nam được đào tạo tại các nước XHCN cũ nhiều hơn hẳn so với tại các nước còn lại (tính tổng số cho đến

nay). Các nước đào tạo nhiều chuyên gia KH&CN cho Việt Nam là: CHLB Đức, CH Séc, Bulgaria, Hungaria, Balan, Pháp, Rumani. Tuy nhiên, con số này phản ánh việc đào tạo chuyên gia trước đây, trong khi gần đây, đã có sự dịch chuyển nơi đào tạo sang các nước Tây Âu, hội LHS của các nước này tại Việt Nam cũng bắt đầu được xây dựng và phát triển.



Hình 1. Cơ cấu chuyên gia KH&CN được đào tạo tại EU theo lĩnh vực hoạt động KH&CN

Cơ cấu chuyên gia KH&CN Việt Nam được đào tạo tại EU phân chia theo lĩnh vực hoạt động KH&CN thể hiện rõ rệt các lĩnh vực ưu tiên đào tạo của Việt Nam: khoa học tự nhiên - 37%, khoa học kỹ thuật và công nghệ - 30%, sau đó là khoa học

xã hội, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, và cuối cùng là khoa học nhân văn (Hình 1).

Cơ cấu chuyên gia KH&CN Việt Nam được đào tạo tại EU phân chia theo loại hình tổ chức đang làm việc cho thấy: các chuyên gia chủ yếu làm

Nghiên cứu - Trao đổi

việc tại các cơ quan nhà nước. Hai khu vực trường đại học và đơn vị nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thu hút nhiều chuyên gia nhất (tổng cộng trên 50%), tiếp đó là các cơ quan quản lý nhà nước, trong khi rất ít chuyên gia tham gia khối doanh nghiệp.

Hẹp hơn, theo Danh mục tiến sỹ Việt Nam, thì các ngành mà cựu LHS đã được đào tạo tại EU như sau: công nghệ thực phẩm - 41%, cơ khí - 20%, luyện kim - 20%, giao thông - 20%, điện tử - 16%, cơ học - 15%, kiến trúc - 15%, hóa học - 14%, dược học - 14%,... Nhìn chung, việc đào tạo tiến sỹ cũng thiên về khoa học tự nhiên và kỹ thuật, công nghệ [3].

Hợp tác song phương với các đối tác EU: trong giai đoạn 2001-2008, Việt Nam đã có 101 dự án hợp tác nghiên cứu KH&CN theo hình thức nghị định thư với đối tác là các nước thành viên EU, (chiếm 44% tổng số nghị định thư của tất cả các nước), với tổng kinh phí các dự án là 79,7 tỷ đồng, (chiếm khoảng 46% tổng kinh phí dành chi nhiệm vụ hợp tác nghị định thư của Việt Nam giai đoạn này). Lĩnh vực được tập trung hợp tác nhiều nhất là bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

4. Kết luận và khuyến nghị

Trong những năm qua, nhiều chuyên gia Việt Nam đã được học tập

và đào tạo tại EU. CSDL cập nhật về nguồn chuyên gia này ở Việt Nam sẽ rất giá trị đối với các đối tác EU khi tìm kiếm đối tác hợp tác tại Việt Nam, đồng thời tạo ra cơ hội hội nhập quốc tế về KH&CN của các chuyên gia Việt Nam. Việc các chuyên gia Việt Nam tham gia các hoạt động nghiên cứu của FP7 sẽ góp phần tận dụng được nguồn kinh phí to lớn của FP7, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của Việt Nam, khai thác hiệu quả nguồn lực hợp tác quốc tế cho sự phát triển của nền KH&CN nước nhà.

Ngoài ra, có không ít chuyên gia người Việt Nam hoặc người EU gốc Việt đang làm việc tại các tổ chức KH&CN ở Cộng đồng châu Âu. Thông tin về họ nếu có được sẽ góp phần tạo nhiều cơ hội hơn để Việt Nam huy động nguồn lực chất xám của tri thức người Việt đang làm việc tại các tổ chức KH&CN của EU cho phát triển đất nước. Việc thu thập thông tin và xây dựng CSDL chuyên gia Việt Nam đã được đào tạo tại Liên minh châu Âu và làm việc tại các tổ chức KH&CN ở Việt Nam hoặc tại Liên minh châu Âu không chỉ đáp ứng yêu cầu cụ thể của dự án mà còn cung cấp thông tin chi tiết về tiềm năng và tình hình hợp tác KH&CN của Việt Nam với EU.

Nhiệm vụ được triển khai thành công sẽ là cơ sở thiết thực và quan trọng tăng cường sự hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam, đẩy mạnh

Nghiên cứu - Trao đổi

hơn nữa sự tham gia của các chuyên gia Việt Nam vào các nội dung nghiên cứu trong khuôn khổ FP7 của EU; huy động mạnh hơn nguồn lực chất xám về KH&CN của người Việt Nam ở EU vào phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Cổng thông tin song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh cùng với CSDL và các thông tin chính thức, cơ bản, cập nhật về FP7 (sắp tới, chương trình khung sẽ có tên là Horizon 2020) trên mạng Vista, VinaREN là phương tiện thiết thực hỗ trợ các chuyên gia Việt Nam đã được đào tạo tại EU nắm bắt thông tin, nắm bắt cơ hội, chủ động tham gia các hoạt động hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương của EU.

Hiện nay, hầu như các chuyên gia KH&CN Việt Nam không tự đăng ký vào CSDL chuyên gia của FP7. Trong tương lai, ngoài việc tuyên truyền, khuyến khích họ tự đăng ký tham gia, nguồn thông tin về các chuyên gia Việt Nam bằng tiếng Anh của CSDL này sẽ được lồng ghép vào CSDL CORDIS của EU, đóng vai trò là cánh cửa để giới khoa học châu Âu tìm kiếm các đối tác nghiên cứu ở Việt Nam.

Từ kinh nghiệm triển khai thành công nhiệm vụ nghị định thư ở Việt Nam, nội dung xây dựng CSDL chuyên gia KH&CN được đào tạo tại EU đã được Dự án SEA-EU-NET II chính thức đưa vào chương trình hoạt

động 2012-2016 và sẽ được triển khai ở tất cả các nước ASEAN. Hợp phần này sẽ góp phần củng cố và thúc đẩy hợp tác KH&CN giữa các nước ASEAN và EU, giúp các nhà hoạch định chính sách KH&CN của hai khu vực đưa ra được các cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy hợp tác giải quyết những thách thức toàn cầu hiện nay; nâng cao nhận thức và sự tham gia của các nhà khoa học Việt Nam và ASEAN trong FP7.

Các chuyên gia KH&CN được đào tạo tại EU, dù đã về nước hay vẫn tiếp tục học tập và nghiên cứu tại EU, đều là nguồn nhân lực chất lượng cao, vô cùng quý giá và là cầu nối năng động, vững chắc giữa nền KH&CN Việt Nam với các đối tác tiên tiến tại EU. Họ cũng chính là lực lượng then chốt, đã làm quen với chuẩn mực quốc tế trong nghiên cứu, góp phần thực hiện thành công chương trình Hội nhập quốc tế về KH&CN Việt Nam. Chính phủ Việt Nam và Bộ KH&CN tuy vậy chưa có một chương trình hay cơ chế chính sách cụ thể nào để khuyến khích, động viên họ tham gia tích cực hơn vào các chương trình KH&CN tiên tiến trên thế giới như FP7. Bởi vậy, **cần sớm xây dựng chương trình hỗ trợ các nhóm nghiên cứu trẻ của Việt Nam tại EU** nhằm thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có tính đột phá, hỗ trợ các hội sinh viên Việt Nam tại nước ngoài và các hội cựu LHS trong nước tổ chức hội thảo chuyên đề về cơ

Nghiên cứu - Trao đổi

hội và khả năng tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương với EU.

Việt Nam đang dẫn đầu khu vực về sự thành công khi tham gia FP7, tuy nhiên, các nước khác trong khu vực đang nỗ lực thu hẹp khoảng cách này trong thời gian ngắn bằng nhiều chương trình/dự án nâng cao nhận thức và khuyến khích các nhà khoa học tham gia vào FP7, mà một trong số đó là xây dựng CSDL chuyên gia KH&CN đã được đào tạo tại EU. **Bộ KH&CN cần sớm chỉ định đầu mối liên lạc quốc gia** (NCP – National Contact Point) để kịp thời cập nhật thông tin chính thức về các đợt kêu

gọi dự án của FP7 cho giới KH&CN Việt Nam.

Việc thu thập dữ liệu về chuyên gia KH&CN Việt Nam đã được đào tạo tại EU là việc làm vô cùng khó khăn, do vậy, **Bộ KH&CN cần cung cấp kinh phí và giao cho các văn phòng đại diện KH&CN Việt Nam tại nước ngoài cùng NASATI thực hiện.**

Trong thời gian tới, kiến nghị **Bộ KH&CN giao nhiệm vụ thường xuyên cho NASATI** tiếp tục duy trì và phát triển CSDL chuyên gia KH&CN đã được đào tạo tại EU và công thông tin thúc đẩy sự tham gia của các nhà khoa học Việt Nam vào FP7.

Tài liệu tham khảo

1. Cơ sở dữ liệu CORDIS của EC. <http://cordis.europa.eu>
2. Cơ sở dữ liệu nguồn lực KH&CN trực tuyến, Bộ Giáo dục và Đào tạo. <http://hskh.moet.gov.vn>
3. Danh sách tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, - Hà Nội: Viện Khoa học Thống kê, 2001.
4. Dự án SEA-EU-NET, Liên minh châu Âu. <http://sea-eu.net>
5. “Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020”, ban hành kèm theo Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 14/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
6. Nguyễn Thị Ngọc Vân, Phạm Thị Thanh, Thiều Văn Tiến, Trần Kim Đồng (2006). Nghiên cứu xây dựng nội dung, cấu trúc hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội tổng hợp quốc gia. Báo cáo đề tài nghiên cứu. Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê. Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Ngân Bình, Vũ Huy Hùng, Nguyễn Minh Phương (2005). Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và trang Web thông tin phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành thương mại. Báo cáo đề tài nghiên cứu. Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Thương mại. Hà Nội.
8. Nguyễn Tiến Hùng, Bùi Thanh Tú, Lê Đông Phương, Phạm Quang Sáng (2004). Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin giáo dục quốc tế. Báo cáo đề tài nghiên cứu. Cơ quan chủ trì: Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục. Hà Nội.
9. Website Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia. www.nafosted.gov.vn/oms_ns
10. Website Viện Thông tin KH&CN Trung Quốc: <http://www.istic.ac.cn>
11. Website Viện Đánh giá Khoa học và Định giá Công nghệ. <http://www.vistec.gov.vn>